

Phụ lục I

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 123/NQ-HĐND NGÀY 11/6/2024 CỦA HĐND TỈNH KHÁNH HÒA (TRƯỚC SÁP NHẬP)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

DVT: Triệu đồng

S T T	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Nghị quyết 123/NQ-HĐND ngày 06/11/2024					Điều chỉnh (tăng/giảm)				Vốn đầu tư sau điều chỉnh				Ghi chú		
				TMĐT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			TMĐT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó		TMĐT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Trong đó	
						Tổng số	Trong đó:					NS tỉnh	NS					NS tỉnh	NS
							NS tỉnh	NS huyện											
	TỔNG SỐ			48.167	43.780	4.387	2.456	1.931	-23.932	-20.568	-3.364	-3.364	24.235	23.212	1.023	1.023			
I	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống			37.211	34.252	2.959	1.453	1.506	-12.976	-11.040	-1.936	-1.936	24.235	23.212	1.023	1.023			
1	Xã Khánh Vĩnh			5.100	4.870	230		230	-1.831	-1.601	-230	-230	3.269	3.269					
	Đường từ đất ông Cao Sơn xã Khánh Phú đi tiếp giáp xã Sông Cầu	Xã Khánh Phú	2025	4.000	3.770	230		230	-731	-501	-230	-230	3.269	3.269			Điều chỉnh theo QĐ phê duyệt BCKTKT của công trình; phân bổ vốn tại QĐ số 1180/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh		
	Bê tông hoá đường từ nhà ông Cao Vũ đến nhà ông Cao Đăng thôn Giang Mương	Xã Khánh Phú	2025	1.100	1.100				-1.100	-1.100							Hủy, do không phù hợp QH tại CV số 132/UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khánh Vĩnh		
2	Xã Nam Khánh Vĩnh			12.700	12.024	676	567	109	-2.252	-2.121	-131	-131	10.448	9.903	545	545			
	Đầu tư nâng cấp tuyến 8: Đường nội đồng thôn Đá Bàn	Xã Cầu Bà	2025	3.200	3.200				-696	-696			2.504	2.504					
	Đường vào khu sản xuất Suối A Pan, thôn Đá Bàn (giáp xã Khánh Thành)	Xã Cầu Bà	2025	4.000	3.480	520	458	62	-942	-880	-62	-62	3.058	2.600	458	458			
	Đường vào khu sản xuất suối Là Bó (từ đất rẫy ông A Chá đến đất ông Cao Ty), xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2025	1.200	1.044	156	109	47	-69		-69	-69	1.131	1.044	87	87	Điều chỉnh giảm tại CV số 394/UBND-KT ngày 19/8/2025 của UBND xã		
	Đường từ khu dân cư Ma Lý đi qua bãi xử lý rác đến đường Khánh Thành - Khánh Phú	Xã Khánh Thành	2025	1.300	1.300				-173	-173			1.127	1.127					
	Đường vào khu sản xuất đồng Bến Lội (từ hộ ông Hà Đây đến hộ ông Cao Cà Ma)	Xã Sơn Thái	2025	3.000	3.000				-372	-372			2.628	2.628					

S T T	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Nghị quyết 123/NQ-HĐND ngày 06/11/2024					Điều chỉnh (tăng/giảm)				Vốn đầu tư sau điều chỉnh				Ghi chú		
				TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó		TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Trong đó	
						Tổng số	Trong đó:					NS tỉnh	NS					NS tỉnh	NS
							NS tỉnh	NS huyện											
3	Xã Trung Khánh Vĩnh			3.000	3.000				-257	-257			2.743	2.743			Điều chỉnh giảm theo QĐ phê duyệt BCKTKT của công trình		
	Đường từ nghĩa trang vào khu sản xuất Bắc Sông Giang	Xã Khánh Trung	2025	3.000	3.000				-257	-257			2.743	2.743					
4	Xã Đông Khánh Sơn			5.400	5.138	262		262	-2.566	-2.566			2.834	2.572	262	262	Xã Đông Khánh Sơn điều chỉnh giảm tại CV số 685/UBND ngày 20/8/2025		
	Đường BTXM vào khu sản xuất Suối Đầu bò GĐ1	Xã Ba Cùm Nam	2025	2.000	1.922	78		78	-350	-350			1.650	1.572	78	78			
	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy Huỳnh Thị Ngọc Bích đến rẫy ông Bo Bo Nhị Hòn Gấm	Xã Ba Cùm Nam	2025	1.000	1.000								1.000	1.000					
	Nhà Văn hóa xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2025	2.400	2.216	184		184	-2.216	-2.216			184		184	184			
5	Xã Khánh Sơn			2.398	2.264	134		134	-2.398	-2.264	-134	-134						Dừng đầu tư theo Kết luận số 722-KL/TU ngày 03/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2025	1.600	1.466	134		134	-1.600	-1.466	-134	-134							
	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Sơn Hiệp giai đoạn 2	Xã Sơn Hiệp	2025	798	798				-798	-798									
6	Xã Tây Khánh Sơn			1.864	1.722	142	100	42	-1.136	-994	-142	-142	728	728			Điều chỉnh giảm theo QĐ phê duyệt BCKTKT của công trình		
	Hệ thống điện chiếu sáng Đường dân sinh thôn Apa 1	Xã Thành Sơn	2025	864	864				-136	-136			728	728					
	Đường BTXM từ nhà ông Cao Trường B đi khu sản xuất thôn Apa 1, xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2025	1.000	858	142	100	42	-1.000	-858	-142	-142						Hủy, do độ dốc của công trình cao hơn quy định (CV số 25/UBND ngày 03/01/2025 của UBND huyện Khánh Sơn)	
7	Xã Cam Hiệp			5.599	4.234	1.365	681	684	-1.386	-237	-1.149	-1.149	4.213	3.997	216	216	Hủy công trình do không phù hợp QH (CV số 5691/UBND ngày 13/12/2024 của UBND huyện Cam Lâm)		
	Đường từ rẫy ông Bo Bo Tịnh - rẫy ông Tấn, thôn Va Ly	Xã Sơn Tân	2025	1.150		1.150	681	469	-1.150		-1.150	-1.150							

S T T	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Nghị quyết 123/NQ-HĐND ngày 06/11/2024					Điều chỉnh (tăng/giảm)				Vốn đầu tư sau điều chỉnh				Ghi chú		
				TMĐT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			TMĐT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó		TMĐT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Trong đó	
						Tổng số	Trong đó:					NS tỉnh	NS					NS	NS
							NS tỉnh	NS huyện											
	Đầu tư sửa chữa nâng cấp mở rộng đường bê tông từ nhà Mang Thành đến nhà Mầu Riếp thôn Suối Cốc			985	770	215		215	-77	-78	1	1	908	692	216	216			
	Mở rộng đường trong khu dân cư Va Ly từ cổng chào văn hóa thôn Va Ly đến nhà bà Phận	Xã Sơn Tân	2025	1.150	1.150				-46	-46			1.104	1.104			Điều chỉnh theo QĐ phê duyệt BCKTKT của công trình; phân bổ vốn tại QĐ số 833/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh		
	Nâng cấp đường từ nhà Cao Thị Xiết đến nhà Tro Tên	Xã Sơn Tân	2025	1.150	1.150				-64	-64			1.086	1.086					
	Nâng cấp đường từ Trường tiểu học Sơn Tân về nhà ông Mang Xia thôn Suối Cốc			1.164	1.164				-49	-49			1.115	1.115					
8	Xã Tây Ninh Hòa			1.150	1.000	150	105	45	-1.150	-1.000	-150	-150							
	Đường BTXM từ ngã ba nhà bà H Hiền đến nhà bà Cao Thị Len	Thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	2025	460	355	105	105		-460	-355	-105	-105					Hủy, do đã thực hiện từ nguồn vốn khác (CV số 5122/UBND ngày 19/11/2024 của UBND thị xã Ninh Hòa)		
	Xây dựng tường rào trường tiểu học Buôn Lác	Thôn Buôn Lác, xã Ninh Tây	2.025,0	350	305	45	45		-350	-305	-45	-45							
	Công tường rào Trường Tiểu học và THCS Ninh Tây, điểm trường chính Buôn Đung	Thôn Buôn Đung, xã Ninh Tây	2025	340	340				-340	-340									
II	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			8.146	7.084	1.062	744	318	-8.146	-7.084	-1.062	-1.062							
1	Xã Trung Khánh Vĩnh																Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị thực hiện năm 2026 (CV số 1597/SVHTTDL-QLVHGĐ ngày 09/9/2025)		
	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS	Xã Khánh Trung	2025	4.073	3.542	531	372	159	-4.073	-3.542	-531	-531							
2	Xã Khánh Sơn																		
	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;	Xã Sơn Hiệp	2025	4.073	3.542	531	372	159	-4.073	-3.542	-531	-531							

S T T	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Nghị quyết 123/NQ-HĐND ngày 06/11/2024					Điều chỉnh (tăng/giảm)				Vốn đầu tư sau điều chỉnh				Ghi chú		
				TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Trong đó		TMDT 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Trong đó	
						Tổng số	Trong đó:					NS tỉnh	NS huyện					NS tỉnh	NS huyện
							NS tỉnh	NS huyện											
III	Dự án 10 - Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN				2.810	2.444	366	259	107	-2.810	-2.444	-366	-366						
	Phân bổ vốn cho sở, ngành				71	62	9	9		-71	-62	-9	-9					Liên minh HTX tỉnh đề nghị điều chỉnh giảm vốn tại CV số 331/CV-LMHTX ngày 29/9/2025	
	Liên minh HTX tỉnh: 0,5%				71	62	9	9		-71	-62	-9	-9						
	- Chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN				71	62	9	9		-71	-62	-9	-9						
	Phân bổ cho các địa phương				2.739	2.382	357	250	107	-2.739	-2.382	-357	-357						
	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã				2.739	2.382	357	250	107	-2.739	-2.382	-357	-357					Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị điều chỉnh giảm vốn chuyển sang dự án khác (CV số 1456/SKHCN-CDS ngày 09/9/2025)	
	- Huyện Khánh Vĩnh		2025		1.950	1.696	254	178	76	-1.950	-1.696	-254	-254						
	- Huyện Cam Lâm		2025		730	635	95	66	29	-730	-635	-95	-95						
	- Huyện Diên Khánh		2025		23	20	3	2	1	-23	-20	-3	-3						
	- Thị xã Ninh Hòa		2025		36	31	5	4	1	-36	-31	-5	-5						